

## ASSESSMENT OF THE FARMERS ON THE IMPLEMENTATION OF POLICIES RELATED TO THE PROMOTION OF FARM HOUSEHOLDS TO IMPROVE GOODS PRODUCTION CAPACITY IN THE NORTHERN MOUNTAINS REGION

Dinh Ngoc Lan\*, Nguyen Duc Quang, Doan Thi Thanh Hien

TNU - University of Agriculture and Forestry

ARTICLE INFO		ABSTRACT
<b>Received:</b>	<b>23/8/2021</b>	The study used the interview method by questionnaires to collect data from 480 farmer households and PRA interviews with 12 groups of farmer households in 6 provinces representing the Northern mountainous region on access to and implementation of policies related to economic development of farmers in the direction of commodity production. Research results have shown that farmers' access and understanding of policy groups related to improving production capacity and linking agricultural product consumption is not high. The implementations as well as the impact of the policies are assessed mainly at medium level. Based on the research results, the study recommends that all levels of government should disseminate policies in various forms. The promulgation of guiding documents should be more specific, simple and concise so that farmers can easily grasp the main content of the policy and apply it to production for better production and consumption of products.
<b>Revised:</b>	<b>09/9/2021</b>	
<b>Published:</b>	<b>09/9/2021</b>	
<b>KEYWORDS</b>		
Farm household		
Policy		
Assessment		
Northern mountainous region		
Commodity production		

## ĐÁNH GIÁ CỦA NÔNG DÂN VỀ VIỆC THỰC THI CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN THỨC ĐẨY HỘ NÔNG DÂN NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA TẠI MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Dinh Ngọc Lan\*, Nguyễn Đức Quang, Đoàn Thị Thanh Hiền

Trường Đại học Nông lâm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
<b>Ngày nhận bài:</b>	<b>23/8/2021</b>	Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn bằng bộ câu hỏi để thu thập số liệu từ 480 hộ nông dân và phỏng vấn PRA 12 nhóm hộ nông dân tại 6 tỉnh đại diện cho miền núi phía Bắc về việc tiếp cận và thực thi các chính sách liên quan đến phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hóa. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra việc tiếp cận và sự hiểu biết về các nhóm chính sách liên quan đến nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa và liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của các hộ nông dân chưa cao. Việc triển khai cũng như tác động của các chính sách được đánh giá chủ yếu ở mức trung bình. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết khuyến nghị các cấp chính quyền cần phổ biến chính sách theo nhiều hình thức đa dạng. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn cần cụ thể, đơn giản và ngắn gọn hơn để người nông dân dễ nắm bắt nội dung chính của chính sách để áp dụng vào sản xuất giúp cho việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được tốt hơn.
<b>Ngày hoàn thiện:</b>	<b>09/9/2021</b>	
<b>Ngày đăng:</b>	<b>09/9/2021</b>	
<b>TỪ KHÓA</b>		
Hộ nông dân		
Chính sách		
Đánh giá		
Miền núi phía Bắc		
Sản xuất hàng hóa		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4920>

\* Corresponding author. Email: [dinhngoclan@tuaf.edu.vn](mailto:dinhngoclan@tuaf.edu.vn)

## 1. Giới thiệu

Miền núi phía Bắc là một vùng khó khăn về cơ sở hạ tầng, địa hình đồi núi phức tạp, chia cắt, nhưng có tiềm năng sản xuất nông nghiệp rất lớn và đa dạng [1], [2]. Tình trạng sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ manh mún là yếu tố trở ngại cho sản xuất hàng hóa có quy mô lớn, khó kiểm soát được chất lượng sản phẩm, chưa thực hiện tốt về an toàn dịch bệnh và môi trường [3]-[5]. Năng lực sản xuất và tiếp cận thị trường của người nông dân, trang trại còn hạn chế, khó tiếp cận được với thị trường tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt trong tình hình hội nhập kinh tế của đất nước ta ngày một sâu rộng dẫn đến tiêu thụ nông sản khó khăn, không kích thích được sản xuất phát triển [6]-[8]. Hiện nay Đảng, Chính phủ, các bộ ngành đã có nhiều chính sách tạo ra cơ hội và hành lang pháp lý tốt để đẩy mạnh phát triển hàng hóa ở khu vực miền núi phía Bắc và hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất [9]. Tuy nhiên việc thực thi chính sách còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với thực tế của từng vùng miền, chưa tạo ra được cơ chế tốt để khuyến khích việc liên doanh, liên kết giữa người nông dân, trang trại với doanh nghiệp để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp [10], [11].

Chính vì vậy nghiên cứu việc tiếp cận và thực thi các chính sách liên quan đến nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa và liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ở miền núi phía Bắc để từ đó tìm ra những giải pháp hữu hiệu đưa các chính sách của Nhà nước đi vào thực tế nhằm đẩy mạnh sản xuất hàng hóa đối với sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Miền núi phía Bắc là rất cần thiết và cấp bách.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Nguồn số liệu

- Nguồn số liệu thứ cấp: Các thông tin, số liệu thứ cấp được thu thập từ Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, tổng cục thống kê, các sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi cục phát triển nông thôn của các tỉnh điều tra, các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan, các công trình nghiên cứu đã công bố, các văn bản chính sách hiện hành, các tài liệu quốc tế có liên quan.

- Nguồn số liệu sơ cấp: Địa bàn nghiên cứu được lựa chọn là 6 tỉnh đại diện cho khu vực miền núi phía Bắc là Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Phú Thọ, Lào Cai, Sơn La. Số mẫu điều tra: Chọn 80 hộ nông dân/ tỉnh. Tổng số hộ đã điều tra/ 6 tỉnh là: 480 hộ nông dân. Số mẫu phỏng vấn nhóm PRA: Phỏng vấn 2 nhóm PRA/ tỉnh, mỗi tỉnh 2 nhóm. Mỗi nhóm PRA là 10 người. Tổng số nhóm phỏng vấn là 12 nhóm, tổng số người tham gia phỏng vấn PRA là 120 người.

Bài viết sử dụng hai phương pháp nghiên cứu bằng bộ câu hỏi và phỏng vấn nhóm PRA (Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia) để điều tra, phỏng vấn các hộ nông dân về việc tiếp cận và thực thi các chính sách liên quan đến phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hóa.

### 2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Bài viết sử dụng các công cụ thống kê mô tả, nghiên cứu và quy nạp để phân tích, các phần mềm thống kê EXCEL, SPSS và STATA để xử lý số liệu điều tra phục vụ nội dung nghiên cứu

## 3. Kết quả và bàn luận

### 3.1. Đánh giá của nông dân về việc thực thi chính sách về đất đai

Đất là nguồn lực tự nhiên, là nền tảng để phát triển sản xuất. Kết quả phỏng vấn 480 hộ nông dân cho thấy ý kiến đánh giá về cách thức triển khai các chính sách liên quan đến đất đai cho hộ nông dân ở mức khá tốt (có tới 56,2% đánh giá tốt). Công tác quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp được đánh giá tốt là 55,8%, chính sách đối với chuyên dịch cơ cấu kinh tế ảnh hưởng tới đất nông nghiệp được đánh giá tốt là 65,9% (Bảng 1). Điều này cho thấy các chính sách về quy hoạch đất đai, chính sách ưu đãi về đất đai đã triển khai rất tốt và được người dân đồng thuận. Tuy nhiên chỉ có dưới 66,67% nông dân trả lời về việc thực hiện xây dựng khung giá đất nông nghiệp và việc thực hiện đề nghị bổ sung quỹ đất nông nghiệp/ chuyên đổi đất và mức độ đánh

giá cũng chỉ ở mức trung bình, nhiều ý kiến còn cho rằng công tác này đang còn yếu. Thậm chí vẫn còn tới 37,5% hộ nông dân là chưa tiếp cận được hoặc chưa quan tâm đến các chính sách về giá đất, chuyển đổi đất nông nghiệp. Vì vậy khung giá đất vẫn cần phải nghiên cứu xem xét để phù hợp với điều kiện thực tế, cách thức triển khai công tác huy động đất, dồn điền đổi thửa cũng cần xem xét để người dân đồng thuận cao hơn.

**Bảng 1.** Đánh giá của hộ nông dân về việc thực thi các chính sách về đất đai

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá				Tỷ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	Rất tốt	
Triển khai các chính sách ưu đãi về đất đai cho hộ nông dân	18,4	19,6	56,2	5,8	100
Công tác quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp.	19,4	24,8	55,8	0	100
Chính sách đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ảnh hưởng tới đất nông nghiệp	4,4	29,7	65,9	0	66,67
Thực hiện xây dựng khung giá đất nông nghiệp.	36,8	31,6	31,6	0	62,50
Thực hiện đề nghị bổ sung quỹ đất nông nghiệp/ chuyển đổi đất	55,1	31,6	13,3	0	62,50

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

### 3.2. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách tín dụng nông thôn

Việc tiếp cận với các chính sách về tín dụng nông thôn khá phổ biến đối với nông dân ở tất cả các vùng. Do đó cả 480 hộ nông dân đều tham gia trả lời về vấn đề này. Kết quả Bảng 2 cho thấy về công tác triển khai chính sách tín dụng của Trung ương tại địa phương ở mức trung bình yếu (có tới 39,1% ý kiến đánh giá là trung bình, 34,7% ý kiến đánh giá là yếu). Mức độ hoàn thiện, hiệu quả của các chính sách hỗ trợ tài chính – tín dụng cho nông nghiệp tại địa phương cũng như mức độ liên kết giữa chính quyền địa phương với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn trong việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ tài chính – tín dụng cho nông nghiệp được đánh giá không cao (43,7% ý kiến đánh giá là trung bình). Trên 80% hộ nông dân đánh giá thông tin về cho vay vốn của các tổ chức tín dụng là rõ ràng, minh bạch, hình thức cho vay đối với hộ nông dân và chính sách hỗ trợ và tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi cho phát triển sản xuất khá linh hoạt. Kết quả thảo luận nhóm PRA cho thấy trên 70% ý kiến đề nghị tăng mức cho vay cũng như cần cải tiến các thủ tục vay vốn để tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nông dân được vay vốn sản xuất.

**Bảng 2.** Đánh giá của nông dân về việc thực thi chính sách tín dụng nông thôn

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỷ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Công tác triển khai chính sách tín dụng của Trung ương tại địa phương	34,7	39,1	26,2	100
Mức độ hoàn thiện, hiệu quả của các chính sách hỗ trợ tài chính – tín dụng cho nông nghiệp tại địa phương	31,3	43,7	25,0	100
Mức độ liên kết giữa chính quyền địa phương với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn trong việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ tài chính – tín dụng cho nông nghiệp	37,2	43,7	19,1	100
Thông tin về cho vay tín dụng của các tổ chức tín dụng rõ ràng, minh bạch	25,3	55,6	19,1	100
Đa dạng các tổ chức tín dụng, hình thức cho vay đối với hộ nông dân	6,4	62,3	31,3	100
Chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi cho phát triển sản xuất	5,3	55,6	39,1	100
Thủ tục hành chính rõ ràng, dễ tiếp cận	41,6	32,2	26,2	100
Số tiền vay từ tổ chức tín dụng có khả năng đáp ứng được mục đích sản xuất của hộ	39,1	34,7	26,2	100
Chính sách lãi suất linh hoạt trong việc hỗ trợ tài chính – tín dụng đối với người dân	25,3	55,6	19,1	100
Thời gian hoàn trả các khoản vay tín dụng của người dân linh hoạt	39,9	33,9	26,2	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

### 3.3. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ về khoa học và công nghệ

Kết quả Bảng 3 chỉ ra rằng các chính sách hỗ trợ về khoa học và công nghệ đều được nông dân đánh giá cao cả về phương diện đa dạng các chính sách hỗ trợ, sự phù hợp với việc tổ chức sản xuất và nhận thức của bà con nông dân cũng như tính triển khai kịp thời và trình độ rất khá của đội ngũ cán bộ kỹ thuật. Khi thảo luận nhóm PRA, 100% hộ nông dân đều hài lòng về việc chuyển giao khoa học công nghệ và mong muốn được tiếp cận và áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP).

**Bảng 3.** Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỉ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Đa dạng các chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ, chương trình hỗ trợ KHCN đối với hộ nông dân	41,8	39,1	19,1	100
Sự phù hợp của các chính sách hỗ trợ KHCN đối với sản xuất nông nghiệp của nông dân	19,1	55,6	25,3	100
Các chương trình hỗ trợ KHCN kịp thời với nhu cầu của nông dân	43,7	37,2	19,1	100
Các chính sách hỗ trợ KHCN được triển khai phù hợp với nhận thức của hộ nông dân	43,7	37,2	19,1	100
Các nội dung về chuyển giao KHCN đáp ứng được nhu cầu của hộ nông dân	13,1	55,6	31,3	100
Đội ngũ cán bộ nông nghiệp, khuyến nông có trình độ chuyên môn phù hợp	19,1	25,3	55,6	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

### 3.4. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách giá cả

Số lượng các hộ nông dân trả lời các câu hỏi liên quan đến chính sách giá cả thấp hơn hẳn sự trả lời về các chính sách liên quan đến đất đai, tín dụng hay khoa học kỹ thuật. Có tới 195 hộ nông dân từ chối trả lời câu hỏi này do hộ không nắm được các thông tin về chính sách liên quan đến giá cả. Kết quả phỏng vấn 285 người còn lại của 6 tỉnh điều tra (chiếm 59,38%) cho thấy phần lớn các nội dung về việc triển khai chính sách giá được nhận xét ở mức trung bình. Mức độ hỗ trợ của chính sách giá được đánh giá ở mức thấp. Điều này cho thấy các mức hỗ trợ về giá vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của nông dân (Bảng 4).

**Bảng 4.** Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ giá cho sản xuất nông nghiệp

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỉ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Đa dạng các CS hỗ trợ giá cho nông nghiệp tại địa phương	23,5	57,2	19,3	59,38
Chính sách hỗ trợ giá đối với người dân địa phương linh hoạt, mềm dẻo	31,2	43,5	25,3	59,38
Thực hiện chính sách hỗ trợ giá mua con giống và vật tư cho hoạt động sản xuất nông nghiệp	13,0	43,5	43,5	59,38
Thực hiện chính sách trợ giá/ thu mua đối với các loại nông sản khi giá thấp	22,2	50,8	27,0	59,38
Số tiền hỗ trợ về chính sách giá cả đáp ứng được nguyện vọng của hộ nông dân	56,5	24,2	19,3	59,38
Chính sách hỗ trợ giá cả luôn đáp ứng kịp thời	19,1	25,3	55,6	59,38

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

### 3.5. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được 358 đối tượng phỏng vấn trả lời, có 122 hộ nông dân khi phỏng vấn cho biết họ không được biết về chính sách này hoặc họ biết nhưng hiểu chưa rõ nên từ chối trả lời. Kết quả điều tra tại bảng 5 cho thấy: Chính sách hỗ trợ

người nông dân trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ, chính sách hỗ trợ người dân khi sản phẩm được mùa có trên 34% ý kiến đánh giá tốt, trên 43,5% ý kiến đánh giá ở mức trung bình. Việc xây dựng hệ thống thông tin thị trường kịp thời và chính sách khuyến khích hộ nông dân tham gia hội chợ nông nghiệp, quảng bá sản phẩm nông nghiệp được các hộ nông dân đánh giá cao.

**Bảng 5.** Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp  
(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỷ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Chính sách hỗ trợ người nông dân trong việc tìm kiếm thị trường mới	21,9	44,1	34,0	74,58
Chính sách hỗ trợ người dân khi sản phẩm được mùa	13,0	43,5	43,5	74,58
Địa phương cung cấp các phương thức hỗ trợ đối với nông sản của người dân địa phương	42,5	24,0	33,5	74,58
Xây dựng hệ thống thông tin kịp thời về thông tin thị trường, giá cả cho người nông dân	37,5	38,5	24,0	74,58
Khuyến khích hộ nông dân tham gia hội chợ nông nghiệp, quảng bá sản phẩm nông nghiệp	23,7	54,4	21,9	74,58

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

### 3.6. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

Tại các địa phương điều tra, việc tập huấn đào tạo, phổ biến, triển khai kiến thức về nông nghiệp để nâng cao năng lực sản xuất, tiếp cận thị trường và tiêu thụ sản phẩm được thực hiện rất tốt. Kết quả là mỗi năm có một tỷ lệ khá lớn người nông dân được tham gia từ 2-3 đợt tập huấn các lớp ngắn ngày, các lớp đào tạo nghề. Vì vậy đánh giá về các chính sách tập huấn, cũng như sự am hiểu về nội dung của các chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cho hộ nông dân được đánh giá cao để họ có kiến thức, kỹ năng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm làm ra (Số liệu chi tiết được thể hiện trong bảng 6). Tuy nhiên các chương trình tập huấn chủ yếu là tập huấn kỹ thuật. Cần bổ sung thêm các chương trình tập huấn về tiếp cận thị trường, quản lý tổ chức sản xuất cho các hộ có định hướng sản xuất hàng hóa.

**Bảng 6.** Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực  
(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỷ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Chính sách đào tạo nhân lực cho người dân địa phương	16,8	44,1	39,1	100
Sự đa dạng của các hình thức đào tạo cho người dân	39,1	41,8	19,1	100
Phương pháp, nội dung các chương trình đào tạo đa dạng	5,3	55,6	39,1	100
Đào tạo chuyên môn, chuyên gia kiến thức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc cho người lao động nông thôn theo nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế	40,9	37,2	21,9	100
Chính sách hỗ trợ đào tạo hộ nông dân chuyển nghề mới	22,5	55,6	21,9	100

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

### 3.7. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ bảo quản, chế biến

Số liệu bảng 7 cho thấy, chỉ có 285 người (chiếm 59,38%) cho rằng họ biết về chính sách hỗ trợ bảo quản, chế biến và tham gia vào trả lời phỏng vấn. Mức độ đánh giá của các hộ nông dân khá cao về sự phù hợp, mức độ đa dạng cũng như nội dung của các chương trình hỗ trợ bảo quản, chế biến. Về sự định hướng cho những đối tượng sau khi được hỗ trợ chế độ bảo quản chế biến chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình (chiếm 50,8%). Khi thảo luận nhóm PRA, đại đa số hộ nông dân đều quan tâm và mong đợi được Nhà nước hỗ trợ về bảo quản, chế biến cũng như được tiếp cận với các công nghệ về bảo quản, sơ chế, đây cũng là một khâu quan trọng, nâng cao chất lượng nông sản đối với sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

**Bảng 7. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ bảo quản, chế biến**

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỉ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Sự phù hợp của chính sách hỗ trợ bảo quản, chế biến cho người dân địa phương	13,0	43,5	43,5	59,38
Mức độ đa dạng của các chính sách hỗ trợ bảo quản, chế biến cho người dân	31,2	43,5	25,3	59,38
Nội dung và chương trình hỗ trợ bảo quản, chế biến cho người dân mang tính cập nhật	31,2	43,5	25,3	59,38
Có định hướng phù hợp cho những đối tượng sau khi được hỗ trợ chế độ bảo quản chế biến	27,0	50,8	22,2	59,38

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

**3.8. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách bảo hiểm nông nghiệp**

Tương tự như chính sách hỗ trợ bảo quản, chế biến, chỉ có 150 hộ nông dân (chiếm 31,25%) trả lời phỏng vấn về chính sách bảo hiểm nông nghiệp (bảng 8). Có 330 hộ nông dân không đánh giá vì họ không biết hoặc biết không rõ về những chính sách liên quan đến lĩnh vực này. Do được tiếp cận ít và sự hiểu biết còn rất mơ hồ nên kết quả đánh giá của 150 hộ nông dân cho thấy quan điểm, sự nhìn nhận đánh giá của các hộ nông dân cũng rất khác nhau. Tỉ lệ số hộ nông dân đánh giá các chỉ tiêu ở mức tốt và thấp và gần tương đương nhau, đánh giá ở mức độ trung bình có cao hơn nhưng hầu như đều dưới 50%. Thực tế chính sách bảo hiểm cũng mới triển khai rộng ở khu vực miền núi trong những năm gần đây và lĩnh vực bảo hiểm nông nghiệp cũng chỉ tập trung vào một số nhóm cây trồng vật nuôi cụ thể.

**Bảng 8. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách bảo hiểm nông nghiệp**

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỉ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Sự phù hợp của chính sách bảo hiểm nông nghiệp cho người dân địa phương	24,1	59,3	16,6	31,25
Mức độ đa dạng của các bảo hiểm nông nghiệp cho người dân	38,9	41,8	19,3	31,25
Nội dung và chương trình chính sách bảo hiểm nông nghiệp mang tính cập nhật	42,0	30,0	28,0	31,25
Có định hướng phù hợp cho những đối tượng sau khi được bảo hiểm nông nghiệp	30,2	41,8	28,0	31,25

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

**3.9. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách dự báo (thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...)**

Số lượng các hộ nông dân trả lời các câu hỏi liên quan đến chính sách dự báo rất thấp, chỉ có 50 hộ trả lời (chiếm 10,42%). Có tới 430 hộ nông dân không nắm được các thông tin về chính sách liên quan đến giá cả hoặc có biết một cách rất mơ hồ, nên họ không trả lời. Kết quả phỏng vấn 50 người còn lại tại địa bàn điều tra của 6 tỉnh cho thấy phần lớn các nội dung về chính sách giá như sự phù hợp của chính sách dự báo cho người dân địa phương (bảng 9).

**Bảng 9. Đánh giá của hộ nông dân về chính sách dự báo (thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...)**

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỉ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Sự phù hợp của chính sách dự báo cho người dân địa phương	22,0	70,0	8,0	10,42
Mức độ đa dạng của các hình thức dự báo cho người dân	40,0	44,0	16,0	10,42
Nội dung và chương trình dự báo mang tính cập nhật	16,0	50,0	34,0	10,42
Có định hướng phù hợp cho những đối tượng sau khi được dự báo	14,0	52,0	34,0	10,42

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

Mức độ đa dạng của các hình thức dự báo cho người dân, nội dung và chương trình dự báo mang tính cập nhật đều được nhận xét ở mức trung bình. Kết quả thảo luận nhóm PRA cũng cho

thấy các hộ nông dân đều mong muốn được biết dự báo về quy mô sản xuất, giá cả, thị trường tiêu thụ của các cây trồng, vật nuôi trước khi bắt đầu sản xuất để họ có căn cứ trong các quyết định lựa chọn cây trồng, vật nuôi cũng như quy mô sản xuất của năm để tránh tình trạng cung thừa thì giá thấp.

### 3.10. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ xử lý rủi ro

Hầu như rất ít nông dân biết về chính sách hỗ trợ xử lý rủi ro, vì vậy khi phỏng vấn 480 hộ nông dân cũng chỉ có 10,42% hộ nông dân tham gia trả lời (Bảng 10). Kết quả đánh giá chính sách này ở tất cả các phương diện về mức độ phù hợp của chính sách, mức độ đa dạng, nội dung cũng như tính cập nhật của chính sách đều ở mức trung bình thấp (chiếm khoảng 76-85%). Nguyên nhân chính là do người nông dân hiểu rất ít về chính sách này, thậm chí chỉ nghe nói mà chưa được áp dụng. Đây cũng là một thực trạng chung ở nhiều nơi trong cả nước, thông thường người nông dân chỉ được hỗ trợ khi gặp những thiên tai như bão lũ, lụt, hạn hán dài ngày.

**Bảng 10.** Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ xử lý rủi ro

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỉ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Sự phù hợp của chính sách hỗ trợ xử lý rủi ro cho người dân địa phương	8,0	70,0	22,0	10,42
Mức độ đa dạng của các hình thức hỗ trợ xử lý rủi ro cho người dân	40,0	44,0	16,0	10,42
Nội dung và chương trình hỗ trợ xử lý rủi ro mang tính cập nhật	34,0	50,0	16,0	10,42
Có định hướng phù hợp cho những đối tượng sau khi được hỗ trợ xử lý rủi ro	24,0	52,0	24,0	10,42

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

### 3.11. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển thị trường liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Số lượng hộ nông dân biết về chính sách này và tham gia trả lời phỏng vấn là khá đông (74,58%). Số liệu trong bảng 11 cho thấy, có trên 21% trở lên có ý kiến đánh giá tốt về tất cả các chỉ tiêu phỏng vấn về chính sách hỗ trợ phát triển thị trường trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Có 44,1% ý kiến đánh giá ở mức độ trung bình về sự phù hợp của chính sách hỗ trợ phát triển thị trường trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Có 43,5% ý kiến đánh giá ở mức độ trung bình về mức độ đa dạng của các hình thức hỗ trợ phát triển thị trường trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho người dân; 38,5% ý kiến đánh giá ở mức độ trung bình về nội dung và chương trình hỗ trợ phát triển thị trường trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Kết quả thảo luận nhóm PRA với hộ nông dân cũng cho thấy việc các cấp chính quyền hỗ trợ tìm kiếm thị trường, liên kết tiêu thụ sản phẩm là nhu cầu và mong đợi của đa số các hộ nông dân sản xuất hàng hóa. Có thị trường tiêu thụ sẽ là điều kiện để thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển.

**Bảng 11.** Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển thị trường trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỉ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Sự phù hợp của chính sách hỗ trợ phát triển thị trường trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho người dân địa phương	34,3	44,1	21,6	74,58
Mức độ đa dạng của các hình thức hỗ trợ phát triển thị trường trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho người dân	23,0	43,5	33,5	74,58
Nội dung và chương trình hỗ trợ phát triển thị trường trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp mang tính cập nhật	34,2	38,5	27,3	74,58
Có định hướng phù hợp cho những đối tượng sau khi được hỗ trợ phát triển thị trường trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	34,2	38,5	27,3	74,58

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

### 3.12. Đánh giá của nông dân về việc thực thi các chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Số lượng hộ nông dân biết về chính sách này và tham gia trả lời phỏng vấn cũng khá đông (74,58%). Có khoảng 27,3% đến 43,5% có ý kiến đánh giá tốt về tất cả các chỉ tiêu phỏng vấn về chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Ngoài ra các chỉ tiêu về sự phù hợp của chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có 43,3% đánh giá ở mức trung bình; mức độ đa dạng của các hình thức hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có 37,7% đánh giá ở mức trung bình và nội dung và chương trình hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp mang tính cập nhật được 34,9% ý kiến đánh giá ở mức độ trung bình. Số liệu chi tiết được thể hiện trong bảng 12. Kết quả thảo luận PRA cho thấy mức độ quan tâm của các hộ nông dân đến các chính sách này là khá cao, tuy nhiên những năm gần đây việc hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi không còn nhiều như trước mà chủ yếu tập trung vào một số chính sách đặc thù và chương trình trọng điểm.

**Bảng 12.** Đánh giá của hộ nông dân về chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá			Tỷ lệ nông dân trả lời
	Thấp	TB	Tốt	
Sự phù hợp của chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho người dân địa phương	13,0	43,5	43,5	74,58
Mức độ đa dạng của các hình thức hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	27,4	37,7	34,9	74,58
Nội dung và chương trình hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp mang tính cập nhật	37,8	34,9	27,3	74,58
Có định hướng phù hợp cho những đối tượng sau khi được hỗ trợ hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	26,6	38,5	34,9	74,58

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020)

## 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc tiếp cận và sự hiểu biết về các nhóm chính sách liên quan đến nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa của các hộ nông dân chưa cao. Có 4 nhóm chính sách: Chính sách đất đai, chính sách đào tạo, tập huấn, chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ và chính sách tín dụng và được 100% người nông dân biết đến và được đánh giá là có tác động tốt đến việc thúc đẩy sản xuất. Nhóm chính sách được trên 50% người nông dân biết đến là 5 nhóm chính sách: Hỗ trợ giá, giống và vật tư cho sản xuất, hỗ trợ phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ bảo quản và chế biến, tuy nhiên sự hiểu biết và việc tiếp cận của người dân với các chính sách này cũng chưa được đầy đủ, sâu sắc. Người nông dân chưa được tiếp cận đầy đủ với các chính sách về hỗ trợ xử lý rủi ro, bảo hiểm nông nghiệp và chính sách dự báo. Vì vậy, để các chính sách thực sự đi vào thực tế và nâng cao được năng lực cho nông dân, bài báo khuyến nghị các cấp chính quyền, cơ quan có chức năng cần phổ biến các chính sách theo nhiều hình thức đa dạng hơn nữa. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn cần cụ thể, đơn giản và ngắn gọn hơn để người nông dân dễ nắm bắt nội dung chính của chính sách để áp dụng vào sản xuất và tiêu thụ nông sản. Đối với chính sách đất đai cần xây dựng khung giá đất sát với điều kiện thực tiễn, chính sách tín dụng nông thôn cần linh hoạt với các cơ chế, thủ tục vay vốn đơn giản để tạo điều kiện cho người nông dân được vay vốn phục vụ sản xuất. Cần chú trọng các chính sách nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa cho hộ nông dân, đặc biệt là năng lực và kỹ năng tiếp cận thị trường,



năng lực tổ chức và quản lý sản xuất. Cần phổ triển rộng rãi và cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản, chính sách hỗ trợ giá, bảo hiểm nông nghiệp để thúc đẩy người nông dân áp dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Ministry of Agriculture and Rural Development, *Preliminary report 02 years implementation of Decree No. 52/2018/ND-CP of the Government on rural industry development*, Hanoi, (in Vietnamese), 11/ 2020.
- [2] N. L. Dinh, T. T. H. Doan, and T. V. Duong, "Analysis of factors affecting production and consumption of vermicelli in Nguyen Binh district, Cao Bang province," (in Vietnamese), *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 172, no. 12/2, pp. 155-160, 2017.
- [3] Central Steering Committee for National Target Programs on New Rural areas, *Summary report ten years implementation of the National Target Program on building new rural areas period 2010-2020*, (in Vietnamese), Hanoi, October 2019.
- [4] K. S. Dang, "Centralization of production, accumulation of land for agricultural development in Vietnam," (in Vietnamese), *Journal of Sociology*, no.4, pp. 21-32, 2017.
- [5] D. K. Luu, Strengthen the market participation capacity of farm households through the value chain of agricultural products. National Political Publishing House, (in Vietnamese), p. 180, 2010.
- [6] T. Q. Chu and D. K. Luu, *The household economy in rural Vietnam: Current situation and solutions*. National Political Publishing House (in Vietnamese), p. 267, 2009.
- [7] Q. H. Ho, "Factors affecting the economic efficiency of farm households in agricultural production in Vietnam," *Economic and Development Review – National Economics University*, no. 270, pp. 51-62, 2019.
- [8] D. A. T. Nguyen, "Promoting sustainable agricultural product exports in the context of international integration," (in Vietnamese), *Communist Magazine*, no. 937, pp. 55-59, 2020.
- [9] D. A. T. Nguyen and T. T. Nguyen, "Assessing the impact of the policy of land accumulation for large-scale commodity production in agriculture," (in Vietnamese), *Economic Research Journal*, no. 6, pp. 48-56, 2019.
- [10] Department of Cooperatives and Rural Development, *Report No. 10/BC-KTHT-HTTT issued on February 19, 2020 on the report on the results of 2 years of implementing the policy to encourage the development of integrated production. with the consumption of agricultural products according to Decree No. 98/2018/ND-CP dated August 5, 2018 of the Government*, (in Vietnamese), 2020.
- [11] Q. H. Tran, *Report on the results of a provincial scientific research project "Study on some policies to support production and business development for farm households in Thai Nguyen province"*, (in Vietnamese), 2018.